

VỢ CHỒNG A PHỦ

(Trích)

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

– Hiểu được cuộc sống cơ cực, tối tăm của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao dưới ách áp bức, kìm kẹp của thực dân và chúa đất thống trị ; quá trình người dân các dân tộc thiểu số từng bước giác ngộ cách mạng và vùng lên tự giải phóng đòi mình, đi theo tiếng gọi của Đảng.

– Nắm được những đóng góp của nhà văn trong nghệ thuật khắc họa tính cách các nhân vật ; sự tinh tế trong diễn tả cuộc sống nội tâm ; sở trường của nhà văn trong quan sát những nét lạ về phong tục, tập quán và cá tính người Mông ; nghệ thuật trần thuật linh hoạt, lời văn tinh tế, mang màu sắc dân tộc và giàu chất thơ.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

Truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* được sáng tác năm 1952, in trong tập *Truyện Tây Bắc* (1953), được tặng giải Nhất – Giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954 – 1955.

Nhiều tác phẩm được trao giải thưởng thời đó, sau nửa thế kỷ, đã không còn sức hấp dẫn, riêng *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài là một trong số không nhiều truyện ngắn đặc sắc của văn xuôi Việt Nam giai đoạn kháng chiến chống thực dân Pháp vẫn giữ gần như nguyên vẹn sức thu hút đối với nhiều thế hệ người đọc. Có điều đó là nhờ phẩm chất nội tại của tác phẩm.

Khi giảng, GV cần giúp HS tiếp cận một số nét đặc sắc sau đây :

– *Về cốt truyện* : Tác phẩm đưa người đọc vào một không gian tương đối mới là đê tài miền núi nhưng vẫn gợi cảm giác quen thuộc nhờ cách miêu tả đời sống theo xu hướng hiện thực (khác với một số nhà văn đã từng viết về đê tài này trước 1945, sáng tác theo xu hướng lãng mạn thường có thiên hướng phóng đại cái khát thường, kì bí hoặc gia tăng những yếu tố rùng rợn nhằm kích thích trí tưởng tượng và chiều

theo tính tò mò của độc giả, chẳng hạn : *Vàng và máu* (Thế Lữ), *Thần hổ, Ai hát giữa rừng khuya* (Đới Đức Tuấn), *Truyện đường rừng* (Lan Khai),....).

Nhưng điều đó chưa phải là yếu tố cơ bản làm nên giá trị thực của truyện. Đóng góp chính của Tô Hoài về phương diện nói trên là ở sự quan tâm sâu sắc tới số phận của người dân lao động miền núi, là diễn tả chân thực về nỗi khổ cực nhục, khổ đau cùng sức sống, sức phản kháng mãnh liệt của người dân lao động các dân tộc thiểu số vùng cao, đặc biệt là lớp người trẻ tuổi dưới ách thống trị tàn bạo của bọn chúa đất cấu kết với thực dân Pháp trong giai đoạn trước và sau Cách mạng tháng Tám năm 1945.

– *Về nhân vật* : Sức thu hút của thiên truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* chủ yếu ở hai nhân vật được khắc họa khá thành công, đó là Mị và A Phủ. Điểm mạnh của ngòi bút Tô Hoài ở phương diện xây dựng nhân vật là không sa vào lối “ôn hèo, kể khổ”, một căn bệnh sơ lược và ấu trĩ của văn xuôi những năm 50 – 60 của thế kỉ trước mà khá nhiều người cầm bút thời đó khó tránh, mỗi khi họ chạm tới vấn đề thân phận những con người thuộc tầng lớp “nạn nhân” của xã hội cũ. Với sở trường quan sát đời sống sắc sảo, với tri giác tập quán và phong tục nhạy bén cùng năng lực khám phá chiều sâu nội tâm con người tinh tế, Tô Hoài đã để cho hai nhân vật Mị và A Phủ hiện diện như những cá tính nghệ thuật đặc sắc.

– *Về nghệ thuật trần thuật* : GV cũng cần giúp HS tìm hiểu về phong cách trần thuật của Tô Hoài qua truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ*. Đó là lối viết thiên về miêu tả thực tế của đời thường ; những phát hiện mới mẻ và thú vị về các nét lạ trong tập quán và phong tục cùng cách tạo dựng bối cảnh sống động và đầy chất thơ ; giọng điệu trữ tình hấp dẫn và lôi cuốn bằng sự tinh tế, bằng sự gia giảm đúng liều lượng phong vị và màu sắc dân tộc ; ngôn ngữ giản dị, phong phú và đầy sáng tạo mang đậm bản sắc Tô Hoài.

– Truyện *Vợ chồng A Phủ* đã được sửa chữa khá nhiều lần. Bố cục gồm hai phần : Phần đầu chủ yếu nói về cuộc đời Mị và A Phủ ở Hồng Ngài, bị chà đạp, đầy đoạ trong nhà thống lí Pá Tra cho đến khi Mị cắt dây trói cứu A Phủ và cả hai bỏ trốn ; phần tiếp theo nói về sự đổi đời của hai nhân vật này ở Phiêng Sa, họ thành vợ chồng, gặp gỡ cán bộ cách mạng, được giác ngộ và trở thành du kích. SGK trích giới thiệu phần đầu của truyện, cũng là phần được chính tác giả cùng nhiều nhà nghiên cứu, giảng dạy văn học cho là đặc sắc hơn cả.

2. Trọng tâm bài học

– Tập trung phân tích hình tượng Mị và A Phủ để qua đó thấy được nỗi khổ cực của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn chúa đất và thực dân,

đồng thời cũng thấy được sức sống mãnh liệt, cá tính độc đáo và quá trình đấu tranh để đứng lên tự giải phóng, xây dựng lại cuộc đời của lớp người trẻ tuổi các dân tộc thiểu số vùng cao.

– Về nghệ thuật, cần chú ý giúp HS phát hiện và nắm được những nét đặc sắc trong bút pháp và ngôn ngữ của nhà văn như nghệ thuật phân tích tâm lí sắc sảo, tinh tế ; ngôn ngữ vừa mang phong vị và màu sắc dân tộc đậm đà vừa giàu tính tạo hình và đầy chất thơ.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

Ở phần *Tiểu dẫn*, cần lưu ý HS một số đặc điểm nổi bật trong tiểu sử và sự nghiệp của nhà văn Tô Hoài.

– Có thể nói ông trở thành một nhà văn lớn, có số lượng tác phẩm đạt kỉ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại bằng con đường tự học.

– Là nhà văn viết theo xu hướng hiện thực từ khi bắt đầu cầm bút, những sáng tác của Tô Hoài phần lớn thiên về diễn tả sự thật của đời thường. Theo nhà văn, “viết văn là một quá trình đấu tranh để nói ra sự thật. Đã là sự thật thì không tầm thường, cho dù phải đập vỡ những thần tượng trong lòng người đọc” (Tô Hoài – Trả lời phỏng vấn phóng viên Thanh Thuận, báo *An ninh thế giới*, ngày 29/7/2007). Ông cũng là nhà văn hấp dẫn độc giả ở lối trắc thuật của một người từng trải, hóm hỉnh, đôi lúc tinh quái nhưng luôn sinh động nhờ vốn từ vựng giàu có, phần lớn là bình dân và thông tục nhưng nhờ phép sử dụng đặc địa và tài ba của một người cầm bút tự nhận là “theo chủ nghĩa tiếng nói” nên đầy ma lực và mang sức mạnh lay chuyển tâm tư người đọc.

– Tô Hoài có vốn hiểu biết phong phú và sâu sắc, đặc biệt là những nét lạ trong phong tục, tập quán ở nhiều vùng khác nhau của đất nước và trên thế giới. Đây là một thế mạnh khiến ông được mệnh danh là nhà văn của đê tài Hà Nội, của đê tài miền núi bên cạnh nhiều đóng góp đặc sắc khác... Vì thế, phần giới thiệu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, ngoài việc nêu những chi tiết cụ thể về chuyến đi thực tế của nhà văn, cần nhấn mạnh sự gắn bó của Tô Hoài với cuộc sống và con người miền núi, và cho HS thấy được sở trường nói trên của nhà văn như một yếu tố góp phần làm nên giá trị của tác phẩm.

– Với đoạn trích trong SGK, GV cần chủ động, linh hoạt và sáng tạo trong khi cùng HS tìm hiểu tác phẩm. Những đoạn văn quan trọng và hấp dẫn bộc lộ những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm nhất thiết phải được lưu ý,

phải được GV hoặc HS đọc lên để cả lớp cùng tham gia phân tích, đánh giá, nhận định. Hướng triển khai cho việc phân tích, đánh giá, nhận định là những nét riêng biệt của tác giả trong phản ánh hiện thực, nghệ thuật khắc họa tính cách nhân vật, sở trường của nhà văn trong việc miêu tả những diễn biến phức tạp và tinh tế của đời sống nội tâm, văn phong và ngôn ngữ.

– GV giúp HS vận dụng các phương pháp phân tích tác phẩm, so sánh, đối chiếu và khái quát, tổng hợp... để HS vừa nhận biết những nét đặc sắc cụ thể vừa có thể nắm được các giá trị cơ bản của tác phẩm trong sự vận động của văn xuôi Việt Nam từ sau 1945.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

a) Phân tích hình tượng nhân vật Mị

GV có thể tự tìm hướng phân tích nhân vật theo sở trường của mình. Sau đây là gợi ý để tham khảo :

– Về đoạn văn mở đầu, giới thiệu nhân vật Mị :

Ngay từ những dòng đầu tiên, người đọc đã buộc phải chú ý tới hình ảnh người con gái “ngồi quay sợi bên tảng đá trước cửa, cạnh tàu ngựa” và “Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chè củi hay đi công nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi”.

Cách vào truyện gây ấn tượng nhờ tác giả đã tạo ra những đối nghịch :

+ Một cô gái lẻ loi, âm thầm gần như lẫn vào các vật vô tri : cái quay sợi, tảng đá, tàu ngựa trong khung cảnh đông đúc, tấp nập của gia đình thống lí Pá Tra.

+ Cô gái ấy là con dâu của một gia đình quyền thế, giàu có “nhiều nương, nhiều bạc, nhiều thuốc phiện nhất làng” nhưng sao lúc nào cũng “cúi mặt” nhẫn nhục và “mặt buồn rười rượi” ?

Đây là thủ pháp tạo tình huống “có vấn đề” trong lối kể chuyện truyền thống, giúp tác giả mở lối dẫn người đọc cùng tham gia hành trình tìm hiểu những bí ẩn của số phận nhân vật.

– Phần tiếp theo của đoạn trích kể về số phận éo le và những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật Mị. Có thể hướng HS vào hai nét chính : Cô Mị với cuộc đời cực nhục, khổ đau và cô Mị với sức sống tiềm tàng dẫn tới *sức phản kháng mãnh liệt, táo bạo*.

+ Ở khía cạnh thứ nhất, để giúp HS thấu hiểu số phận cực nhục, khổ đau của nhân vật, GV cần phân tích về cảnh ngộ éo le của gia đình, về món nợ truyền kiếp khiến Mị trở thành con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra. Khái niệm con dâu gạt

nợ cũng cần được cất nghĩa cho HS hiểu. Con dâu gạt nợ thì bề ngoài là con dâu nhưng thực chất bên trong là con nợ. Điều cực nhục và khổ đau của số phận nhân vật mà GV cần nhấn mạnh trong khi phân tích đó là : một con nợ thông thường dù khốn khổ vẫn còn hi vọng một ngày nào đó thoát khỏi thân phận con nợ khi đã thanh toán đầy đủ cho chủ nợ. Phương thức thanh toán có thể bằng tiền, bằng vật chất, bằng số ngày công làm việc cho chủ nợ... Oái ăm ở chỗ, Mị là con nợ nhưng Mị cũng lại là con dâu. Là con dâu, linh hồn Mị đã bị đem "trình ma" nhà thống lí rồi, Mị không thể chạy thoát ! Mị sẽ phải kéo lê cái thân phận khốn khổ của mình cho đến bao giờ ? Cho đến tàn đời !

Thực ra, cái nguy cơ bị biến thành một thứ con nợ chung thân Mị đã linh cảm từ trước. Cô đã nghĩ cách cứu mình (thực chất là cứu tình yêu của mình) và trả món nợ của gia đình bằng cách đề nghị cha để cô "đi làm nương" ; cô đã van xin cha : "đừng bán con cho nhà giàu". Nhưng sự thông minh của một cô gái mới lớn không thắng được hoàn cảnh và mưu chước thâm độc của cha con thống lí. Mị bị tròng hai thứ dây trói là làm con nợ (bắt buộc) và làm con dâu (ép buộc) vì cha con thống lí Pá Tra đã muốn như thế.

Phải sống với kẻ mà mình không yêu là nỗi khổ và nỗi đau của Mị. Có đến mấy tháng trời, đêm nào Mị cũng khóc. Rồi không thể chịu đựng hơn được nữa, Mị tính chuyện ăn lá ngón để tìm sự giải thoát. Người con gái hiếu thảo ấy, trước khi chết về lạy cha mà cũng để xin cha cho mình được chết. May mắn thay, lời thỉnh thiết của người cha già chịu nhiều khổ não trong đời đã khiến Mị đành phải nén nỗi buồn của riêng bản thân Mị xuống. Cô quay trở lại nhà thống lí.

Từ đấy, Mị chấp nhận cảnh ngộ sống "lùi lùi như con rùa nuôi trong xó cửa". Âm thầm như một cái bóng là cách sống mà Mị lựa chọn, cho dù, đó là một sự lựa chọn chống lại bản tính yêu đời của cô gái một thời xinh đẹp và tài hoa. Tác giả cất nghĩa : "Ở lâu trong cái khổ, Mị quen khổ rồi" để minh giải tình trạng bị đày đoạ đến mức bị tê liệt về tinh thần và dẫn tới tiếng thở dài buông xuôi phô mặc cho hoàn cảnh của nhân vật : "Bây giờ thì Mị tưởng mình cũng là con trâu, mình cũng là con ngựa, là con ngựa phải đổi ở cái tàu ngựa nhà này đến ở cái tàu ngựa nhà khác, ngựa chỉ biết việc ăn cỏ, biết đi làm mà thôi".

Bị biến thành một thứ công cụ lao động là nỗi cực nhục mà nhân vật phải chấp nhận và chịu đựng. Nhưng sự ê chề của kiếp sống chưa dừng lại ở đó, Mị còn phải chịu nỗi khổ đau về tinh thần triền miên. Căn buồng của người phụ nữ Mông thông thường là nơi họ được hưởng chút hạnh phúc ít ỏi của thân phận làm người, từ làm con, đến làm dâu rồi làm mẹ. Căn buồng của Mị ở nhà thống lí chỉ là một thứ ngục thất giam cầm một tù nhân : "Ở cái buồng Mị nằm, kín mít, có một chiếc

cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trăng, không biết là sương hay là nắng”.

Người con gái làm đâu gạt nợ ấy bị dày đoạ bởi lao động khổ sai ở nhà thống lí, lẽ cố nhiên là rất cực nhục, nhưng một sự câu lưu vĩnh viễn về tinh thần mới thực sự đáng sợ. Nó sẽ làm cho cô sống mà như đã chết hay nói chính xác hơn là nó buộc cô phải chấp nhận tồn tại với trạng thái gần như đã chết trong lúc đang sống. Cô có thể thoát ra khỏi tình thế tuyệt vọng ấy không, khi cô đã mất tri giác về cuộc sống?

+ Ở khía cạnh tiếp theo, để giúp HS nắm được vẻ đẹp trong tính cách nhân vật Mị với sức sống tiềm tàng dẫn tới sức phản kháng mãnh liệt, tàn bạo, GV cần lưu ý phân tích cảnh : mùa đông năm ấy “gió và rét dữ dội” nhưng mùa xuân vẫn cứ đến, và con người, dù khổ nghèo cơ cực đến mấy vẫn lại theo quy luật của tự nhiên mà rủ nhau đi chơi trong niềm vui sống có phần hoang dã và tự do của người Mông.

Hãy thử phân tích phần “ca từ” của tiếng sáo :

Mày có con trai con gái rồi

Mày đi làm nương

Ta chưa có con trai con gái

Ta đi tìm người yêu.

Ngôn từ giản dị, mộc mạc vậy mà hàm chứa cái lẽ sống phóng khoáng, tự do của con người. Lê phải đơn sơ ấy, qua tiếng sáo, đã vọng vào tâm hồn cô gái có một thời từng thổi sáo rất hay.

GV đặc biệt chú ý phân tích diễn biến tâm lí nhân vật Mị trong đêm uống rượu đón xuân về, khi nghe tiếng sáo gọi bạn, khi niềm khao khát sống trở lại, khi bị A Sử trói đứng, khi chứng kiến tình cảnh của A Phủ cho tới khi cầm dao cắt dây trói cứu người bạn cùng cảnh ngộ và quyết định bỏ trốn khỏi Hồng Ngài...

Sự hồi sinh của tâm hồn nhân vật được tác giả miêu tả tinh tế, phù hợp với tính cách của người con gái ấy. Tuy nhiên, cần chú ý việc nhà văn sử dụng khá nhiều những yếu tố bên ngoài tác động vào nhân vật, được miêu tả rất tự nhiên như : khung cảnh mùa xuân, tiếng sáo gọi bạn tình, bữa rượu cúng ma đón năm mới,... Tất cả đã hoá thành những lực tác động âm thầm đánh thức nỗi căm ghét bất công và tàn bạo cùng ý thức phản kháng lại cường quyền, đánh thức cả niềm khao khát một cuộc sống tự do, hoang dã và hồn nhiên vẫn được bảo lưu đâu đó trong dòng máu truyền lại từ lối sống của tổ tiên du mục xa xưa, làm sống dậy cái sức sống ẩn tàng trong cơ thể trẻ trung và tâm hồn vốn ham sống của Mị.

GV cũng cần phân tích kĩ một số hành động của nhân vật Mị xuất phát từ những thôi thúc của nội tâm như các chi tiết :

+ “Mị lén lấy hũ rượu, cứ uống ực từng bát” trong một trạng thái khác thường. Rượu làm cơ thể và đầu óc Mị say, nhưng tâm hồn cô thì từ phút ấy, đã tỉnh lại sau bao tháng ngày câm nín, mụ mị vì sự đày đoạ. Cái cách uống ực như thế, khiến người ta nghĩ : như thể cô đang uống đắng cay của cái phần đời đã qua, như thể cô đang uống cái khao khát của phần đời chưa tới.

+ Mị với cõi lòng đã phơi phới trở lại và cái ý nghĩ lạ lùng mà rất chân thực : “Nếu có nắm lá ngón trong tay lúc này, Mị sẽ ăn cho chết ngay, chứ không buồn nhớ lại nữa.”. Nghịch lí trên cho thấy : khi niềm khao khát sống hồi sinh, tự nó bỗng trở thành một mãnh lực không ngờ, xung đột gay gắt, quyết một mất một còn với cái trạng thái vô nghĩa lí của thực tại. Sở trường phân tích tâm lí cho phép ngòi bút tác giả lách sâu vào những bí mật của đời sống nội tâm, phát hiện nét đẹp và nét riêng của tính cách.

+ Mị xắn mõ bỏ vào đĩa đèn cho căn buồng sáng lên, Mị mặc áo váy mới để chuẩn bị đi chơi, Mị với những kí ức tươi đẹp thời thanh xuân quên cả cảnh mình đang bị trói,...

+ Mị vẫn ra ngồi sưởi lửa cạnh A Phủ, bất chấp việc bị A Sử đập ngã xuống đất.

- Mị cắt dây trói cứu A Phủ và cùng A Phủ trốn khỏi Hồng Ngát (GV cần tập trung hướng dẫn cho HS phân tích kĩ hành động này).

Tất cả những sự phân tích, lí giải về hình ảnh thứ hai trong tính cách nhân vật cần giúp HS hướng tới một nhận định : Khi sức sống tiềm tàng trong tâm hồn nhân vật được hồi sinh, nó sẽ là ngọn lửa không thể dập tắt. Nó tất yếu chuyển hoá thành hành động phản kháng táo bạo ở những nạn nhân của giai cấp thống trị, chính họ sẽ đứng lên chống lại cường quyền áp bức, chống lại mọi sự chà đạp, lăng nhục, vật hoá con người để cứu lấy cuộc đời mình.

b) Phân tích hình tượng nhân vật A Phủ

Hình tượng A Phủ cũng là một đóng góp mới của tác giả về phương diện xây dựng nhân vật.

- *A Phủ với số phận đặc biệt* : Chú bé A Phủ từ tuổi thơ đã mồ côi cả cha lẫn mẹ, không còn người thân thích trên đời vì cả làng A Phủ không mấy ai qua được trận dịch. A Phủ sống sót không phải nhờ sự ngẫu nhiên mà vì chú là một mầm sống khoẻ, đã vượt qua được sự sàng lọc nghiệt ngã của tự nhiên. Bởi thế, không ngạc nhiên khi có người bắt A Phủ đem xuống bán đổi lấy thóc của người Thái. Tuy mới

mười tuổi, nhưng A Phủ gan bướng, không thích ở dưới cánh đồng thấp, trốn thoát lên núi, lưu lạc tới Hồng Ngài. Lớn lên giữa núi rừng, A Phủ trở thành chàng trai Mông khoẻ mạnh “chạy nhanh như ngựa”, “biết đúc lưỡi cày, biết đục cuốc, lại cày giỏi và đi săn bò tót rất bạo”. Con gái trong làng nhiều người mê, nhiều người nói : “Đứa nào được A Phủ cưng bàng được con trâu tốt trong nhà, chẳng mấy lúc mà giàu”. Người ta ao ước đứa thế thôi, chứ A Phủ vẫn rất nghèo. A Phủ không có cha, không có mẹ, không có ruộng, không có bạc, suốt đời làm thuê, làm mướn, phép làng và tục lệ cưới xin ngặt đến nỗi A Phủ không thể nào lấy nổi vợ.

- *A Phủ với cá tính đặc biệt* : Cá tính gan góc của A Phủ vốn đã bộc lộ từ năm lên mười, cá tính ấy lại được chính cuộc sống hoang dã của núi rừng cùng hoàn cảnh ở đợ, làm thuê nhiều cực nhọc, vất vả hun đúc để A Phủ trở thành một chàng trai có tính cách mạnh mẽ, táo bạo.

Trận đòn mà A Phủ dành cho A Sử được miêu tả thật sống động :

“– Lũ phá đám ta đêm qua đây rồi.

– A Phủ đâu ? A Phủ đánh chết nó đi !

Một người to lớn chạy vụt ra vung tay ném con quay rất to vào mặt A Sử. Con quay gỗ ngát lăng vào giữa mặt. Nó vừa kịp bung tay lên. A Phủ đã xộc tới, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh túi tấp”.

Một đoạn văn ngắn với hàng loạt các động từ cùng lối miêu tả các động tác nhanh, gấp : *chạy vụt ra, ném, lăng, xộc túi, nắm cái vòng cổ, kéo dập đầu xuống, xé vai áo, đánh túi tấp*... cho thấy sức mạnh và tính cách con người A Phủ qua hành động.

Ở vùng núi cao, bọn chúa đất như thống lí Pá Tra là một thứ “trời con”, con trai thống lí là “con trời”, không ai dám đụng tới. Nhưng A Phủ không sợ. Với A Phủ, A Sử chỉ là đứa phá đám cuộc chơi, cần phải đánh. Thế thôi.

A Phủ đã phải trả một cái giá rất đắt cho hành động táo tợn ấy. Nhưng là người đơn giản, A Phủ không quan tâm đến hậu quả sẽ xảy ra với mình. Khi đã phải sống thân phận của kẻ làm công trù nợ, A Phủ vẫn là một chàng trai của tự do, dù phải quanh năm một thân một mình “đốt rừng, cày nương, cuốc nương, săn bò tót, bẫy hổ, chăn bò, chăn ngựa...” nhưng cũng là quanh năm A Phủ “bôn ba rong ruổi ngoài gò ngoài rừng” làm ph้าง ph้าง mọi thứ, không khác với những năm tháng trước kia. Khi rừng đói, vì mải bẫy nhím, để hổ bắt mất bò, A Phủ điềm nhiên vác nửa con bò hổ ăn dở về. A Phủ nói chuyện “đi lấy con hổ về” một cách thản nhiên

và coi đó là một chuyện rất dễ dàng. A Phủ cãi lại thống lí cũng rất điềm nhiên. A Phủ không biết sợ cái uy của bất cứ ai. Con hổ hay thống lí Pá Tra cũng thế thôi. Kể cả khi lảng lặng đi lấy cọc và dây mây, rồi đóng cọc để người ta trói đứng mình chết thế mạng cho con vật bị mất, A Phủ cũng làm các việc ấy một cách thản nhiên. Là người mạnh mẽ và gan góc, A Phủ không sợ cả cái chết...

Có thể nói, nhân vật A Phủ đã được khắc họa thành công. Sở trường quan sát nhạy bén và khả năng thiên phú trong việc nắm bắt cá tính con người là hai yếu tố đã giúp nhà văn, chỉ với mấy nét đơn sơ mà tạo dựng được một hình tượng đặc sắc.

c) Những đặc sắc về nghệ thuật

– Thành công cơ bản của truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* là ở nghệ thuật xây dựng nhân vật, đặc biệt là ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật.

Cả hai nhân vật Mị và A Phủ đều thể hiện một cách sống động và chân thực những nét tính cách của người dân lao động miền núi nói chung và của người Mông nói riêng. Mị bề ngoài lặng lẽ, âm thầm, nhẫn nhục nhưng bên trong sôi nổi một niềm ham sống, khao khát sống tự do và hạnh phúc. A Phủ táo bạo, gan góc mà chất phác, tự tin. Cả hai tuy cùng là nạn nhân của bọn chúa đất, quan lại thống trị miền núi tàn bạo, độc ác nhưng trong họ tiềm ẩn sức mạnh phản kháng mãnh liệt, dữ dội. Tác giả đã chọn các góc nhìn và điểm nhìn tương đối khác nhau để tạo ra hai hình tượng nghệ thuật mang những nét đặc sắc khác nhau.

Một cái nhìn từ bên trong để làm nổi bật sức sống tiềm tàng ở nhân vật Mị và một cái nhìn từ bên ngoài để thấy tính cách mạnh mẽ pha chút ngang tàng ở nhân vật A Phủ là điều mà các nhà văn trong giai đoạn kháng chiến chống Pháp, không phải ai cũng làm được. Tô Hoài còn hấp dẫn người đọc ở sự chính xác và chân thực trong việc phát hiện nét riêng, nét lạ trong tính cách dân tộc ở hai nhân vật Mị và A Phủ. Ông đã sớm nhìn thấy và thể hiện thành công những phẩm chất độc đáo của tính cách người Mông: âm thầm mà mãnh liệt; mộc mạc, đơn sơ mà hết sức dữ dội. Và trên hết, là một lối sống phóng khoáng, tự do và hồn nhiên. Những phẩm chất này khiến người Mông mang một sinh lực sống dồi dào khiến họ có đủ sức mạnh để vượt qua bất cứ sự áp bức đè nén nào, đồng thời có thể bùng lên đầy bất ngờ khi được tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ của thời đại mới. Điều này được bộc lộ tinh tế qua tính cách và hành trình số phận hai nhân vật Mị và A Phủ.

Trong xây dựng nhân vật, Tô Hoài đặc biệt thành công ở bút pháp miêu tả tâm lí nhân vật. Điều đó thể hiện rõ nét qua những diễn biến nội tâm tinh tế và phức tạp của nhân vật Mị qua hai tình huống: trong đêm tình mùa xuân và đêm Mị cắt dây trói cứu A Phủ.

- Tô Hoài vốn là nhà văn có biệt tài miêu tả thiên nhiên và những nét lạ trong phong tục, tập quán xã hội. Truyện ngắn *Vợ chồng A Phủ* bộc lộ rõ nét sở trường ấy. GV có thể cùng HS phát hiện những đoạn văn đặc sắc phác họa khung cảnh thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ, thơ mộng, con người Tây Bắc hồn nhiên và ngay thẳng, tập quán và phong tục các dân tộc Tây Bắc với những nét độc đáo... tất cả được khắc họa bằng ngòi bút tài tình khiến khung cảnh sống động, tự nhiên và mang phong vị đặc trưng của vùng núi Tây Bắc.

- Nghệ thuật trần thuật của tác giả uyển chuyển, linh hoạt mang phong cách truyền thống nhưng cũng đầy sáng tạo. Nhà văn chủ yếu vẫn tuân theo lối trần thuật sự kiện theo trình tự thời gian, tạo nên một dòng chảy liền mạch nhưng có lúc đan xen các hồi ức một cách tự nhiên, có lúc pha trộn quá khứ với hiện tại một cách ý nhị (chẳng hạn đoạn văn : “Ngày trước, Mị thổi sáo giỏi. Mùa xuân này, Mị uống rượu bên bếp và thổi sáo. Mị uốn chiếc lá trên môi, thổi lá cũng hay như thổi sáo. Có biết bao nhiêu người mê, ngày đêm đã thổi sáo đi theo Mị...”). Lại có khi tác giả vận dụng kĩ thuật đồng hiện của điện ảnh, khiến ta khó phân biệt đó là hình ảnh của quá khứ, của hiện tại hay viễn cảnh tương lai : “Mị nhớ lại đời mình, Mị lại tưởng tượng như có thể một lúc nào, biết đâu A Phủ chẳng đã trốn được rồi, lúc ấy bố con Pá Tra sẽ bảo là Mị đã cởi trói cho nó, Mị liền phải trói thay vào đấy, Mị phải chết trên cái cọc ấy...”. Đọc đoạn văn có thể thấy, nhà văn diễn tả thật tài tình bao nhiêu hình ảnh quay cuồng trong đầu Mị, bao nhiêu ý nghĩ đan xen về cái chết của người khác, cái chết của chính mình, và cả cái ý nghĩ táo bạo : cởi trói cho A Phủ vốn là một giả định ngẫu nhiên trong tâm tư bỗng nhanh chóng biến thành hành động thực tế...

d) Gợi ý trả lời câu hỏi phần *Hướng dẫn học bài*

Câu 1

Vấn đề số phận và tính cách nhân vật Mị, có thể hướng vào hai nét chính : Cô Mị với cuộc đời cực nhục, khổ đau và cô Mị với sức sống tiềm tàng dẫn tới sức phản kháng mãnh liệt, táo bạo.

- Ở khía cạnh thứ nhất, để thấu hiểu số phận cực nhục, khổ đau của nhân vật, cần tìm hiểu về cảnh ngộ éo le của gia đình, về món nợ truyền kiếp khiến Mị trở thành con dâu gạt nợ cho nhà thống lí Pá Tra.

- Ở khía cạnh thứ hai, để nắm được vẻ đẹp trong tính cách nhân vật Mị với sức sống tiềm tàng dẫn tới sức phản kháng mãnh liệt, táo bạo, cần lưu ý phân tích những diễn biến tâm lí nhân vật Mị trong đêm uống rượu đón xuân về, khi nghe tiếng sáo gọi bạn, khi niềm khao khát sống trở lại, khi bị A Sử trói đứng, khi chứng

kiến tình cảnh tuyệt vọng của A Phủ cho tới khi cầm dao cắt dây trói cứu người bạn cùng cảnh ngộ và quyết định bỏ trốn khỏi Hồng Ngài...

Câu 2

Để hiểu được tính cách nhân vật A Phủ, cần chú ý hai phương diện :

– A Phủ với số phận đặc biệt :

+ Mồ côi cha mẹ, sống một mình, không người thân thích từ bé.

+ Vượt qua cơ cực thử thách, trở thành chàng trai Mông khoẻ mạnh, tháo vát, thông minh, nhiều cô gái trong làng mơ được lấy A Phủ làm chồng.

+ Nghèo, không lấy nổi vợ vì phép làng và tục lệ cưới xin ngặt nghèo.

– A Phủ với cá tính đặc biệt :

+ Gan góc từ bé.

+ Ngang tàng, sẵn sàng trùng trị kẻ xấu.

+ Khi trở thành người làm công gạt nợ, A Phủ vẫn là con người tự do, không biết sợ cường quyền, kẻ ác.

Nét khác nhau trong nghệ thuật khắc họa nhân vật ở Mị và A Phủ đó là : Nếu nhân vật Mị được khắc họa từ một cái nhìn từ bên trong, nhằm giúp ta khám phá và phát hiện vẻ đẹp của nhân vật ở tiềm lực sống của nội tâm thì với nhân vật A Phủ lại được nhìn từ bên ngoài, tạo điểm nhấn về tính cách ở những hành động, giúp ta thấy rõ vẻ đẹp của A Phủ qua sự gan góc, táo bạo, mạnh mẽ.

Câu 3

Tô Hoài là nhà văn chọn lối viết thiên về hiện thực đời thường. Thực tế đời thường vốn chẳng có gì hấp dẫn. Muốn tạo ra sự hấp dẫn qua những trang viết về đời thường, nhà văn phải biết hiến tặng người đọc những chuyện lạ và độc đáo. Chính quan điểm viết truyện này đã khiến nhà văn luôn luôn phải đi thực tế nhiều nhưng quan trọng hơn là phải biết quan sát, tìm tòi, phát hiện ra cái lạ. Sự rèn luyện thường xuyên này trong nghề nghiệp đã tạo cho Tô Hoài những khả năng đặc biệt :

– Ông luôn có những phát hiện mới mẻ về các nét lạ trong tập quán và phong tục (tục cuớp vợ, trình ma, đánh nhau, xử kiện, ốp đồng, đêm tình mùa xuân, trói đứng,...).

– Nhờ luôn luôn mài sắc khả năng quan sát, tìm tòi nên cách tạo dựng bối cảnh, tình huống, miêu tả thiên nhiên trong sáng tác của Tô Hoài thường sống động và đầy chất thơ (cảnh mùa xuân về trên núi cao, lời ca và giai điệu tiếng sáo trong những đêm tình mùa xuân, cảnh uống rượu ngày tết,...).

– Văn Tô Hoài mang giọng điệu trữ tình hấp dẫn và lôi cuốn bằng sự tùng trá, tinh tế, bằng sự gia giảm đúng liều lượng phong vị và màu sắc dân tộc ; ngôn ngữ giản dị, phong phú và đầy sáng tạo mang đậm bản sắc riêng.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

Hướng kiểm tra, đánh giá dựa vào những nội dung đã gợi ý ở trên, đặc biệt là làm nổi bật những đóng góp riêng của nhà văn trong nghệ thuật khắc họa tính cách các nhân vật.

2. Gợi ý giải bài tập

Để giải được bài tập này, trước hết cần hiểu khái niệm *giá trị nhân đạo và các phương diện tạo nên giá trị nhân đạo*. Từ đó, tìm các biểu hiện của giá trị nhân đạo qua một tác phẩm hay hệ thống nhân vật của tác phẩm đó.

Giá trị nhân đạo hiểu một cách giản dị là tình cảm, thái độ của nhà văn dựa trên các nguyên tắc và đạo lý làm người mang tính chuẩn mực và tiến bộ của thời đại được thể hiện qua cái nhìn về cuộc sống và con người từ bối cảnh cụ thể trong tác phẩm.

Các phương diện của giá trị nhân đạo thường được cụ thể hóa qua :

- Niềm cảm thông, thương xót những con người bất hạnh, bị chà đạp, bị lăng nhục bởi xã hội hoặc một tầng lớp thống trị nào đó.
- Thái độ thấu hiểu, trân trọng những đức tính cao quý của con người trong nghịch cảnh.

Theo đó, HS có thể dựa vào các tiêu chí trên để phát biểu về giá trị nhân đạo của tác phẩm bộc lộ qua số phận hai nhân vật Mị và A Phủ.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Tô Hoài – Về tác giả và tác phẩm*, NXB Giáo dục, 2003.
2. Nguyễn Văn Long, *Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài*, trong *Giảng văn*, tập ba, NXB Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hà Nội, 1982.
3. Vương Trí Nhàn, *Tô Hoài và muôn mặt nghề văn*, trong *Cánh bướm và hoa hướng dương*, NXB Hải Phòng, 1999.